

Bản án số: 441/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Trung Kiên

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng H, năm sinh 1994; Địa chỉ: Số 49/2B đường 51, P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, năm sinh 1983; Địa chỉ: Số 108/G4 đường C, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung K là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2015. Quá trình chung sống diễn ra bình thường sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K có thái độ không thành thật về chuyện tiền bạc, không có sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng bất hòa, cuộc sống chung không còn

sự yêu thương, chia sẻ mà mạnh ai nấy sống. Bà và ông K không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 19/6/2020, ông K có mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, tuy nhiên phía nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng H vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 19/6/2020, ông K trình bày: Ông thống nhất với bà H về quá trình kết hôn và chung sống. Ông và bà H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2015. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống chung không có sự quan tâm, chia sẻ và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý, vì không còn tình cảm.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời ông K cũng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2015 cho bà H và ông K thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp. Bà H khai cuộc sống chung nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung từ cuối năm 2019. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K có bản khai xác nhận quá trình kết hôn và chung sống, các mâu thuẫn xảy ra đúng như bà H đã trình bày

và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Xét yêu cầu ly hôn của bà H và lời trình bày của ông K, nhận thấy mục đích hôn nhân giữa không đạt, tình cảm không còn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng H và ông Nguyễn Trung K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 108/G4 đường C, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Trung K đến Tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do. Ngày 19/6/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Trung K có mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H có mặt, bị đơn ông Nguyễn Trung K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng H và ông Nguyễn Trung K tự nguyện đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2015 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét bà H và ông K chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn và

để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà H yêu cầu ly hôn ông K. Ông K xác nhận, nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do không có sự tin tưởng, không tôn trọng, không quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người sống một nơi và ông cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn với ông K.

[2.3] Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoàng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng H ly hôn ông Nguyễn Trung K.

1.2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng H chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà H đã nộp theo biên lai thu số 0039738 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trung K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm

sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
 - Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y;
- (Theo giấy CNKH số 150, quyền 01/2015 ngày 30/10/2015)
- Các đương sự;
 - Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Nhu